

Bản án số: 25/2024/DSST
Ngày: 25/12/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-DS ngày 05/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Võ Văn C – sinh năm 1978, bà Ngô Thị Kim T – sinh năm 1979, nơi thường trú: thôn D, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Võ Văn L – sinh năm 1976, bà Huỳnh Thị L1 – sinh năm 1977, nơi thường trú: thôn D, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Năm 2023, vợ chồng ông C bà T có cho vợ chồng ông L bà L1 vay tiền 02 lần tổng cộng là 474.000.000đ (lần thứ nhất 250.000.000đ, lần thứ hai 224.000.000đ), có lập giấy mượn tiền ngày 27/10/2023, hạn ngày 27/11/2023 trả hết nợ, tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông L bà L1 chỉ trả được 222.000.000đ (trong đó 200.000.000đ khấu trừ giá trị chuyển nhượng một thửa đất và 22.000.000đ tiền mặt). Nay vợ chồng ông C bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L bà L1 trả số tiền còn nợ là 252.000.000đ (hai trăm năm mươi hai triệu đồng), không tính lãi. Việc vợ chồng ông L bà L1 xin trả 1.500.000đ/tháng cho đến khi hết nợ thì vợ chồng ông C bà T không đồng ý, vì như vậy quá lâu mới trả xong nợ.

Theo các lời khai có tại hồ sơ bị đơn trình bày: Năm 2023, vợ chồng ông L bà L1 có vay tiền của vợ chồng ông C bà T 02 lần tổng cộng là 474.000.000đ (lần thứ nhất 250.000.000đ, lần thứ hai 224.000.000đ), có lập giấy mượn tiền ngày 27/10/2023, hạn ngày 27/11/2023 trả hết nợ, tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông L bà L1 chỉ trả được 222.000.000đ (trong đó 200.000.000đ khấu trừ giá trị chuyển nhượng một thửa đất và 22.000.000đ tiền mặt), nên hiện còn nợ 252.000.000đ (hai trăm năm mươi hai

triệu đồng). Vợ chồng ông L bà L1 làm ăn thua lỗ, hiện tại hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, không còn tài sản gì để trả nợ, nên xin trả 1.500.000đ/tháng cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa, vợ chồng ông L bà L1 trình bày Giấy mượn tiền ngày 27/10/2023 do chính vợ chồng ông L bà L1 ký tên xác nhận nợ vợ chồng ông C bà T tổng cộng 474.000.000đ, nhưng không phải tiền vay mà là tiền nợ do chơi hụi với nhau còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán trả cho nguyên đơn số tiền 252.000.000đ; nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên không xét. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn có đơn khởi kiện bị đơn cư trú tại thị xã S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự trong quá trình chuẩn bị xét xử thống nhất xác định vào năm 2023 vợ chồng ông L bà L1 có vay tiền của vợ chồng ông C bà T 02 lần tổng cộng là 474.000.000đ (lần thứ nhất 250.000.000đ, lần thứ hai 224.000.000đ), lập giấy mượn tiền ngày 27/10/2023, hạn ngày 27/11/2023 trả hết nợ, tuy nhiên cho đến nay vợ chồng ông L bà L1 chỉ trả được 222.000.000đ (trong đó 200.000.000đ khấu trừ giá trị chuyển nhượng một thửa đất và 22.000.000đ tiền mặt), nên còn nợ 252.000.000đ; tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận chữ ký trên giấy mượn tiền và thống nhất số tiền còn nợ; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét, tại phiên tòa bị đơn cho rằng tiền nợ do chơi hụi còn nợ nên lập giấy mượn tiền 27/10/2023 nhận nợ 474.000.000đ chứ không phải tiền vay, nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, đồng thời vấn đề này không ảnh hưởng đến bản chất nghĩa vụ phải hoàn trả của bên bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”, thời hạn trả nợ theo thỏa thuận là ngày 27/11/2023. Do đó, nay vợ chồng ông C bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông L bà L1 trả số tiền còn nợ 252.000.000đ là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đối với việc vợ chồng ông L bà L1 mong muốn trả 1.500.000đ/tháng cho đến khi hết nợ là không có cơ sở để chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Võ Văn C, bà Ngô Thị Kim T. Buộc vợ chồng ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị Liên thanh T1 trả cho vợ chồng ông Võ Văn C, bà Ngô Thị Kim T số tiền 252.000.000đ (hai trăm năm mươi hai triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Vợ chồng ông Võ Văn L, bà Huỳnh Thị L1 phải chịu 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Võ Văn C, bà Ngô Thị Kim T số tiền 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 481 ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Triều